

Số: 281 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực,
ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 04/TTr-STP ngày 18/01/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (b/cáo);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- V0-V3; CV NCTH, VP UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC1.

TP-QĐ02

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Kháng

Phụ lục I


**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản; Tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	Nghị quyết	61/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản và phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Khoản 1 Điều 1	Được thay thế bởi Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	01/01/2024
2	Nghị quyết	225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.	Sửa đổi tên 05 vị trí giá đất, giữ nguyên mức giá đất trên địa bàn thành phố Cẩm Phả: - Phường Cẩm Thạch: mục 18 - Phường Quang Hanh: mục 2.1, 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3	Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.	10/4/2023
			Hủy bỏ 02 vị trí giá đất trên địa bàn	Bị hủy bỏ bởi Nghị quyết số	10/4/2023

		<p>thành phố Cẩm Phả: - Phường Cẩm Trung: mục 8.1 - Phường Cẩm Thạch: mục 12</p>	<p>14/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.</p>	
3	Quyết định	<p>42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024</p> <p>Sửa đổi một số nội dung trong bảng giá các loại đất ban hành kèm theo quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019:</p> <p>1. Thành phố Hạ Long (đô thị loại I) I. Bảng giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị - Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu dân cư; mức giá đất: + Phường Bãi Cháy: mục 5.1 + Phường Hà Khẩu: mục 11 + Phường Hoàn Bồ: mục 4.8</p> <p>5. Thị xã Quảng Yên (đô thị loại IV-V) I. Bảng giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị - Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu dân cư (giữ nguyên mức giá): + Phường Cộng Hòa - Đô thị loại V: mục 1, mục 1.1.1 - Điều chỉnh bỏ tên đoạn đường phố, khu dân cư; mức giá đất:</p>	<p>Được sửa đổi bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.</p>	20/01/2023



+ Phường Quảng Yên - Đô thị loại IV:
mục 25, 26, 26.1, 26.2

**II. Bảng giá đất ở, đất thương mại
dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh
phi nông nghiệp không phải là đất
thương mại dịch vụ tại nông thôn**

- Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu
dân cư (giữ nguyên mức giá):

+ Xã Tiên Phong (xã đồng bằng): mục
I, I.2, II, II.4

+ Xã Tiên An (xã trung du): mục III.
III.4, III.5.1, III.8.2, III.16, III.19.1

10. Huyện Hải Hà (Đô thị loại V)

**I. Bảng giá đất ở, đất thương mại
dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi
nông nghiệp không phải là đất
thương mại dịch vụ tại đô thị**

- Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu
dân cư (giữ nguyên mức giá):

+ Thị trấn Quảng Hà: mục 4.8, 4.9, 8, 14

11. Huyện Đầm Hà (Đô thị loại V)

**II. Bảng giá đất ở, đất thương mại
dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh
phi nông nghiệp không phải là đất
thương mại dịch vụ tại nông thôn**

- Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu
dân cư (giữ nguyên mức giá):

+ Xã Quảng Lâm (xã miền núi): mục
4, 5, 6, 8, 9

+ Xã Quảng An (xã miền núi): Mục
1, 2, 3, 7, 14, 18, 23,24

+ Xã Tân Lập (xã miền núi): mục 23

11. Huyện Vân Đồn (Đô thị loại IV-V)



II. Bảng giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại nông thôn

- Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu dân cư; mức giá đất:

- + Xã Hạ Long (xã trung du): mục 8.2
- + Xã Đông Xá (xã miền núi): mục 3.4, 4.3, 4.4, 5.2, 6.3, 8.3, 10.1
- + Xã Bình Dân (xã miền núi): mục 1.1, 2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 4.1, 4.2, 4.3
- + Xã Ngọc Vũng (xã miền núi): mục 2.2, 3.3

+ Xã Minh Châu (xã miền núi): mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 3.1, 3.2, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5

- Điều chỉnh bỏ tên đoạn đường phố, khu dân cư; mức giá đất:

- + Xã Bình Dân (xã miền núi): mục 1.3, 3.2
- + Xã Bản Sen (xã miền núi): mục 3.1
- + Xã Đoàn Kết (xã miền núi): mục 1.3


11. Huyện Cô Tô (Đô thị loại V)

I. Bảng giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị

- Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu dân cư (giữ nguyên mức giá):

- + Thị trấn Cô Tô: mục 3.2

II. Bảng giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất

			<p>thương mại dịch vụ tại nông thôn - Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu dân cư (giữ nguyên mức giá): + Xã Thanh Lân: mục 1.1.</p> <p>Sửa đổi một số vị trí trong Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019:</p> <p>4. Thành phố Cẩm Phả (Đô thị loại II) I. Bảng giá đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị - Điều chỉnh tên đoạn đường phố, khu dân cư (giữ nguyên mức giá): + Phường Cẩm Thạch: mục 18 + Phường Quang Hanh: mục 2.1, 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3 - Bỏ tên đoạn đường phố, khu dân cư, mức giá đất: + Phường Cẩm Trung: mục 8.1 + Phường Cẩm Thạch: mục 12</p>	<p>Được sửa đổi bởi Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số vị trí trong Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo của Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh về việc quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.</p>	15/5/2023
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
4	Nghị quyết	62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh theo Luật Phí và Lệ phí, thay thế Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh.	<p>- Lệ phí đăng ký kinh doanh quy định tại điểm 4, Mục II, Phụ lục I và điểm 4, mục 2, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh.</p> <p>- Mức thu phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống quy định tại điểm 1 mục I, Phụ lục I ban hành</p>	<p>Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 về việc bãi bỏ, sửa đổi một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.</p>	10/11/2023

			kèm theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh.		
5	Nghị quyết	88/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh theo Luật Phí và lệ phí	Khoản 4 Điều 1	Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 về việc bãi bỏ, sửa đổi một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.	10/11/2023
6	Nghị quyết	303/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tại gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 2 Điều 2: “<i>Đầu tư các công trình, dự án đảm bảo hoạt động của công an xã đối với các địa phương chưa tự cân đối ngân sách</i>”. - Nội dung tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 2: “<i>An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Đầu tư các công trình, dự án đảm bảo hoạt động của công an xã đối với các huyện tự cân đối ngân sách</i>”. - Nội dung gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 2 Điều 3: “<i>Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh chỉ xem xét hỗ trợ cho các huyện chưa tự cân đối ngân sách</i>” - Nội dung gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 3: “<i>Tùy vào điều kiện cụ thể của từng năm để</i> 	<p>Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh</p> <p>Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, nguyên tắc, tiêu chí, định</p>	22/7/2023



xem xét phân bổ tối đa không quá 25% tổng số vốn chi xây dựng cơ bản (vốn tập trung trong nước) Trung ương giao đầu năm để hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách”.


- Nội dung gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 3 Điều 3:


“- Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho các huyện chưa tự cân đối ngân sách theo tiêu chí chấm điểm để đầu tư các dự án động lực, trọng điểm có khả năng thu hút đầu tư và phục vụ an sinh xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Phân bổ vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2020; vốn đối ứng; các dự án chuyển tiếp (trong đó ưu tiên các dự án đã bố trí vốn từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các địa phương theo tiêu chí chấm điểm từ giai đoạn trước chuyển sang).

+ Các dự án khởi công mới chỉ được xem xét sau khi đã thực hiện các nội dung ưu tiên nêu trên và đủ điều kiện cân đối kế hoạch vốn. Mỗi năm phân bổ vốn tối đa không quá 02 dự án khởi công mới; danh mục dự án khởi công mới hàng năm phải đảm bảo đúng mục tiêu định hướng phát triển

mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh.

			<p><i>của tỉnh và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản trước khi triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định”.</i></p>		
7	Nghị quyết	<p>104/2022/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số lệ phí quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh.</p>	<p>Lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh quy định tại Điều 1</p>	<p>Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 về việc bãi bỏ, sửa đổi một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh</p>	10/11/2023
8	Quyết định	<p>09/2022/QĐ-UBND ngày 01/02/2022 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (được đính chính tại Văn bản số 5547/UBND-TM ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh).</p>	<p>Mã nhóm, loại tài nguyên: II501, Đất đá thải của các mỏ than làm vật liệu san lấp mặt bằng cho các công trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Được thay thế bởi Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh.</p>	10/5/2023
			<p>Mã nhóm, loại tài nguyên: Than cục 5a.2 (II160205, II170205), Than cám 3a.1, 3b.1, 3c.1 (II160303, II170303), Than cám 4a.1 (II160304, II170304), Than cám 6a.4, 6b.1 (II160306, II170306), Than cám 7a (II160307, II170307), Than cám 8c.</p>	<p>Được thay thế bởi Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.</p>	07/8/2023
9	Quyết định	<p>22/2022/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 Về việc ban hành bổ sung</p>	<p>Mã nhóm, loại tài nguyên: II6</p>	<p>Được thay thế bởi Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá</p>	10/5/2023

		 <p>Bảng giá tính thuế Tài nguyên năm 2022 đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh</p>		<p>tính Thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.</p>	
			<p>Mã nhóm, loại tài nguyên: Than cám 1 (II160301, II170301), Than cám 3b, Than cám 4a (II160304, II170403), Than cục 5a (II160205, II170205), Than cục don 8a (II160208, II170208), Than cám 2 (II160302, II170302), Than cám 3c, Than cám 7a (II160307, II170307), Than bùn tuyển 3a (II160403, II170403), Than bùn tuyển 3c (II160403, II170403), Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh nước sạch (V201, V202) .</p>	<p>Được thay thế bởi Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>07/8/2023</p>
<p>10</p>	<p>Quyết định</p>	<p>46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>Mã nhóm, loại tài nguyên: II1, II2020301, II2020302, Đá base, II2020304, II301, II30201, II30202, II7, II1101, V303</p>	<p>Được thay thế bởi Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 V/v ban hành Bảng giá tính Thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>01/01/2024</p>
<p>LĨNH VỰC GIÁO DỤC</p>					
<p>11</p>	<p>Nghị quyết</p>	<p>204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo</p>	<p>Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh.</p>	<p>Được thay thế bởi Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 về việc tiếp tục thực hiện chính sách đặc thù của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30</p>	<p>10/11/2023</p>



đục thường xuyên
trên địa bàn tỉnh.

tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho đối tượng ở các xã ra khỏi vùng khó khăn và các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

LĨNH VỰC XÂY DỰNG

12	Quyết định	45/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	<p>- Mục 6 đối với tài sản là cây trồng tại Phần I Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.</p> <p>- Mục B về đơn giá bồi thường cây trồng tại Chương V Phần II Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.</p>	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 Bãi bỏ một phần Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.	10/7/2023
13	Quyết định	32/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước	Mục I Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 Bãi bỏ một phần Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.	10/7/2023

		thu hồi đất trên địa bản tỉnh Quảng Ninh			
LĨNH VỰC NỘI VỤ					
14	Quyết định	57/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Điểm b khoản 3 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 11; điểm b khoản 3 Điều 12; điểm b khoản 3 Điều 13 Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức, lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ- UBND ngày 16/11/2021.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 Bãi bỏ một số nội dung của Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ- UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh.	28/8/2023
15	Quyết định	15/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương tỉnh Quảng Ninh	- Khoản 1 Điều 1; - Đoạn 5 điểm c khoản 4 Điều 2; - Đoạn 9 điểm c khoản 4 Điều 2; - Đoạn 4 điểm l khoản 4 Điều 2; - Đoạn 1 điểm a khoản 5 Điều 2	Bị sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương.	10/12/2023
			Đoạn 3 điểm g khoản 4 Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương tỉnh Quảng Ninh	

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2023

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản; Tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
Không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
Không có					




Phụ lục II


**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023

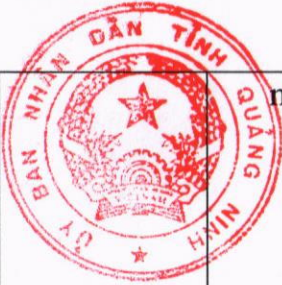
STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
1	Nghị quyết	144/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quy định chính sách thực hiện cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định chính sách thực hiện cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	22/7/2023
2	Nghị quyết	145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Quy định về hỗ trợ điều dưỡng phục hồi sức khỏe cho người có công với cách mạng và nhân thân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định chính sách hỗ trợ một số đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	01/01/2024
3	Nghị quyết	202/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019	Về việc nâng mức tiêu chí về thu nhập đối với chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn các thành phố Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 30/03/2023 quy định chuẩn nghèo đa chiều áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025.	10/4/2023

LĨNH VỰC TẠI CHÍNH					
4	 Nghị quyết	103/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017	Quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	01/8/2023
5	Quyết định	13/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	Về việc ban hành quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách.	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 Ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	01/9/2023
6	Quyết định	23/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	Ban hành quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 về việc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	20/02/2023
7	Quyết định	38/2019/QĐ-UBND ngày 03/12/2019	Về việc ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 Về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	15/4/2023
8	Quyết định	05/2020/QĐ-UBND ngày 13/3/2020	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa	01/9/2023



			người nghèo và đối tượng chính sách ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh.	phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	
9	Quyết định	06/2022/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2022.	Được thay thế bởi Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023.	01/02/2023
10	Quyết định	14/2022/QĐ-UBND ngày 19/4/2022	Về việc quy định bổ sung hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2022.	Được thay thế bởi Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2023	01/02/2023
11	Quyết định	24/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	Về việc ban hành bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên năm 2022 đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính Thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh.	10/5/2023
12	Quyết định	38/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	Về việc ban hành bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên năm 2022 đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh.	25/01/2024
13	Quyết định	03/2023/QĐ-UBND ngày 20/01/2023	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023	Được thay thế bởi Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá	01/01/2024


				các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024.	
14	Quyết định	14/2023/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	Về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá tính thuế Tài nguyên đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh.	25/01/2024
LĨNH VỰC NỘI VỤ					
15	Nghị quyết	94/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017	Về việc thí điểm áp dụng một số chính sách đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh.	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Về việc bãi bỏ Nghị quyết số 94/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thí điểm áp dụng một số chính sách đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh.	08/12/2023
16	Quyết định	3186/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh.	10/01/2024
17	Quyết định	439/2017/QĐ-UBND ngày 20/3/2017	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.	05/8/2023
18	Quyết định	21/2021/QĐ-UBND	Về việc ban hành Quy định bổ	Được thay thế bởi Quyết định số	15/11/2023



		ngày 25/2/2021	nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh.	28/2023/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 về việc ban hành quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.	
LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
19	Quyết định	37/2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	Ban hành Quy định về việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 Bãi bỏ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	23/3/2023
20	Quyết định	31A/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 ban hành quy chế tổ chức và quản lý hoạt động của cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh.	01/3/2023
LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ					
21	Quyết định	2773/2011/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Được thay thế bởi Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 Ban hành quy chế hoạt động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	01/3/2023


LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

22	Quyết định	234/2010/QĐ-UBND ngày 22/018/2010	Về việc quy định mức hỗ trợ kinh phí chi trả công và các khoản đóng góp theo tiền công cho giáo viên hợp đồng đạt chuẩn đào tạo trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
23	Quyết định	289/2011/QĐ-UBND ngày 26/01/2011	Về việc hỗ trợ tiền ăn trưa tại các cơ sở giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo năm tuổi có cha mẹ thường trú tại các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
24	Quyết định	4241/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	Về việc quy định chế độ thưởng cho học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi, học sinh đạt điểm giỏi trong kỳ thi tuyển sinh vào hệ chính quy các trường đại học và giáo viên đào tạo học sinh đạt giải.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
25	Quyết định	4253/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	Về việc hỗ trợ tiền ăn trưa tại các cơ sở giáo dục mầm non cho đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 và 4 tuổi có cha mẹ thường trú tại các xã, phường, thị trấn trong danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh, không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ và đối	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023




			tượng trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi có cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo		
26	Quyết định	4254/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	Về việc hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng học sinh bán trú đang học tại các cơ sở giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh, không thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
27	Quyết định	2026/2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2012	Về việc hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng học sinh bán trú đang học trung học phổ thông, học trung cấp nghề hoặc học văn hóa trung học phổ thông kết hợp với học nghề trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
28	Quyết định	1991/2013/QĐ-UBND ngày 08/8/2013	Về việc hỗ trợ học phí cho học sinh là con của người có công với nước, đối tượng chính sách đang học phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
29	Quyết định	126/2015/QĐ-UBND ngày 16/01/2015	Về việc hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học bán trú, tiền nhân công chăm sóc bán trú tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ở các xã trong danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 bãi bỏ một số Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	20/3/2023
30	Quyết định	2751/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016	Về việc bổ sung nội dung một số quyết định của UBND tỉnh quy định một số chính sách thuộc lĩnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 Bãi bỏ một số Quyết định của Ủy	20/3/2023

		vực giáo dục và đào tạo, áp dụng cho một số đối tượng và địa bàn đặc thù của tỉnh Quảng Ninh.		ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.	
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
31	Quyết định	1275/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015	Ban hành quy định tạm thời về thiết kế thi công đường lâm sinh, đường vận xuất lâm sản trong rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 Bãi bỏ Quyết định số 1275/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định tạm thời về thiết kế thi công đường lâm sinh, đường vận xuất lâm sản trong rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh.	10/4/2023
32	Quyết định	3026/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016	Về việc ban hành quy định giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của HĐND tỉnh.	Được thay thế bởi Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 Ban hành quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	20/5/2023
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
33	Quyết định	2778/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014	Ban hành quy định về việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục, thời gian các bước thực hiện thủ tục về Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; Tổ chức, cá nhân nước ngoài; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 Bãi bỏ Quyết định số 2778/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014, Quyết định số 2779/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh.	05/10/2023
34	Quyết định	2779/2014/QĐ-UBND	Ban hành quy định về việc tiếp	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số	05/10/2023

		ngày 24/11/2014	nhận, giải quyết thủ tục, thời gian các bước thực hiện thủ tục về việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	27/2023/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 Bãi bỏ Quyết định số 2778/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014, Quyết định số 2779/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh.	
35	Quyết định	60/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	Về phân cấp, ủy quyền xây dựng, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và xác định giá khởi điểm đấu giá các thửa đất, khu đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn tỉnh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 về việc bãi bỏ Quyết định số 60/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về phân cấp, ủy quyền xây dựng, thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và xác định giá khởi điểm đấu giá các thửa đất, khu đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.	05/4/2023
LĨNH VỰC XÂY DỰNG					
36	Quyết định	08/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020	Về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bị thay thế bởi Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 Về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	01/8/2023
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
Không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2023

STT	 Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
Không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
Không có					